TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2023
"Tranh chấp về Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Út Nhỏ
Bà Lương Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 454/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thị Liên H – sinh năm 1974 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp S, xã VHHN, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.
- *Bị đơn*: Ông Danh Đ – sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã VHHN, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 01/11/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thị Liên H trình bày:

Vào năm 1994, bà kết hôn cùng với ông Danh Đ. Hôn nhân do mai mối, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng do không am hiểu pháp luật nên vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 20 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cách sống sinh hoạt nên hay cự cải, làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, từ đó tình cảm vợ chồng không còn nên bà đã tự ly thân với ông Đ từ năm 2019 đến nay. Sau thời gian dài ly thân bà nhận thấy vợ chồng

không thể nào hàn gắn với nhau được, kéo dài cũng không có kết quả nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng bà có 03 con chung tên là: Thị Thu Như – sinh ngày 12/9/2000, Thị Thu Ý – sinh ngày 12/9/2000 và Thị Kim Chi – sinh ngày 19/9/2002. Hiện nay các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh Đ; Về con chung: Do 03 con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung; Tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận với nhau xong nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 12/12/2022, bị đơn ông Danh Đ thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như bà H trình bày nên ông không trình bày gì thêm. Ông và bà H đã ly thân với nhau khoảng 4 năm nay. Nay, bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên là: Thị Thu Như – sinh ngày 12/9/2000, Thị Thu Ý – sinh ngày 12/9/2000 và Thị Kim Chi – sinh ngày 19/9/2002. Hiện nay các con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

* Nguyện vọng: Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Thị Liên H; Về con chung: Do 03 con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung; Tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận với nhau xong nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Ông Đ xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên bà Thị Liên H khởi kiện xin ly hôn với ông Danh Đ được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Ông Danh Đ với tư cách là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Thị Liên H và ông Danh Đ xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống cho đến nay ông bà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông bà đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau nhưng do hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp, tại thời điểm xét xử Luật Hôn nhân và gia đình đã được sửa đổi, bổ sung nên theo Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX nghĩ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân của ông bà là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà Thị Liên H và ông Danh Đ có 03 con chung là Thị Thu Như – sinh ngày 12/9/2000, Thị Thu Ý – sinh ngày 12/9/2000 và Thị Kim Chi – sinh ngày 19/9/2002. Do 03 con chung đã trưởng thành nên bà H và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Thị Liên H và ông Danh Đ xác định vợ chồng đã tự thỏa thuận với nhau xong, ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[5] Nợ chung: Bà Thị Liên H và ông Danh Đ xác định ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đ bà Bà Thị Liên H phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 131, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa Bà Thị Liên H và ông Danh Đ là quan hệ vợ chồng.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thị Liên H phải chịu án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001808, ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 10/01/2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhập